

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Ngày ban hành: 2025/11/16

Ngày sửa đổi: 2025/11/20

Phiên bản: 8

1. Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

định danh của sản phẩm

Chất hoặc hỗn hợp tên : Diluted Alkydresin Paint
Số EC :
Số REACH :
Số CAS :

Các cách sử dụng đã được xác định là phù hợp của chất hoặc hỗn hợp và các cách sử dụng được khuyến nên tránh

Các lĩnh vực sử dụng [SU] : các trường hợp sử dụng công nghiệp
Cách sử dụng của hóa chất/hỗn hợp : chất phủ và sơn, chất độn, chất trám trét, chất pha loãng
Các cách sử dụng được khuyến nên tránh : Sử dụng cho mục đích khác ngoài mục đích được khuyến nghị.

Thông tin về nhà cung cấp phiếu an toàn hóa chất

Nhà cung cấp : iBou Inc.
Địa chỉ nhà : 81 Nakao, Nago city, Okinawa pref., Japan
Mã bưu chính : 905-1153
Điện thoại : 123-4567
Telefax : 123-5678
E-Mail : iboughs@yahoo.co.jp

Số điện thoại khẩn cấp

Số điện thoại khẩn cấp : 234-5678
Nhận xét : Chỉ có trong giờ làm việc.

2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Mức xếp loại nguy hiểm :

Chất lỏng dễ cháy:Cấp 2
Độc tính cấp tính, miệng:không phân loại
Độc tính cấp tính, da:không phân loại
Độc tính cấp tính, hít (khí):không phân loại
Độc tính cấp tính, hít (hơi):Cấp 5
Độc tính cấp tính, hít (bụi và sương mù):không phân loại
Ăn mòn/kích ứng da:Cấp 2
Tổn thương nghiêm trọng mắt/ kích ứng mắt:Cấp 2A
Tác nhân nhạy hô hấp :Cấp 1
Tác nhân nhạy da:Cấp 1
Đột biến tế bào mầm:Cấp 2
Tác nhân gây ung thư:Cấp 1
Độc tính sinh sản:Cấp 1
Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm đơn:Cấp 1 (Hệ thống thần kinh trung ương hệ hô hấp Hệ tim mạch hệ thống máu Gan thận nhiễm độc toàn thân)
Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm đơn:Cấp 2 (thận)
Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm đơn:Cấp 3 (kích ứng đường hô hấp)
Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm lặp lại:Cấp 1 (Hệ thống thần kinh trung ương thận hệ thống máu Các dây thần kinh thị giác Các cơ quan tiết niệu hệ hô hấp Hệ thần kinh Organ thính)
Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm lặp lại:Cấp 2 (hệ hô hấp Gan lách tinh hoàn)
Nguy hại hô hấp:Cấp 1
Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh:Cấp 2
Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh:Cấp 2
Ảnh hưởng đến tầng Ozôn.:Phân loại không thể
Độc tính sinh sản (Ảnh hưởng đến hoặc qua sữa mẹ):Cấp bổ sung

Các thành phần của nhãn :

Hình đồ cảnh báo :



Từ cảnh báo : Nguy hiểm

Cảnh báo nguy cơ:

- H225 · Hơi và chất lỏng rất dễ cháy
- H304 · Có thể chết nếu nuốt phải và đi vào đường hô hấp
- H315 · Gây kích ứng da
- H317 · Có thể gây dị ứng da
- H319 · Gây kích ứng mắt nghiêm trọng
- H333 · Có thể có hại nếu hít phải
- H334 · Có thể gây ra các triệu chứng dị ứng hoặc hen suyễn hoặc khó thở nếu hít phải
- H335 · Có thể gây kích ứng đường hô hấp
- H341 · Nghi ngờ gây ra các khuyết tật di truyền
- H350 · Có thể gây ung thư
- H360 · Có thể có hại đến khả năng sinh sản hoặc đến trẻ chưa sinh
- H362 · Có thể gây hại đến trẻ đang bú
- H370 · Gây tổn thương cho các cơ quan (Hệ thống thần kinh trung ương hệ hô hấp Hệ tim mạch hệ thống máu Gan thận nhiễm độc toàn thân)
- H371 · Có thể gây tổn thương cho các cơ quan (thận)
- H372 · Gây tổn thương cho các cơ quan thông qua phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp lại (Hệ thống thần kinh trung ương thận hệ thống máu Các dây thần kinh thị giác Các cơ quan tiết niệu hệ hô hấp Hệ thần kinh Organ thính)
- H373 · Có thể gây tổn thương cho các cơ quan thông qua phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp lại (hệ hô hấp Gan lách tinh hoàn)
- H401 · Độc đối với sinh vật thủy sinh
- H411 · Độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài

Biện pháp phòng ngừa :

**【Phòng ngừa】**

- P201 · Cần được hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.
- P202 · Không sử dụng cho đến khi tất cả các biện pháp phòng ngừa an toàn đã được đọc và hiểu.
- P210 · Tránh xa nguồn nhiệt / tia lửa / ngọn lửa / bề mặt nóng. - Không hút thuốc..
- P233 · Giữ bao bì đóng kín.
- P240 · Giữ thùng chứa, thiết bị tiếp đất
- P241 · Sử dụng thiết bị chống cháy nổ điện / thông gió / chiếu sáng
- P242 · Chỉ sử dụng các công cụ không phát tia lửa.
- P243 · Có biện pháp phòng ngừa tích điện
- P260 · Không được hít bụi / khói / khí / sương mù / hơi / sương.
- P263 · Tránh tiếp xúc trong quá trình mang thai / trong khi cho con bú.
- P264 · Rửa sạch tay sau khi sử dụng
- P270 · Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.
- P271 · Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc trong khu vực thoáng khí
- P272 · Không mang quần áo bị nhiễm bẩn ra khỏi nơi làm việc
- P273 · Tránh thải ra môi trường.
- P280 · Đeo găng tay/ quần áo bảo hộ/ bảo vệ mặt/ mặt nạ
- P284 · Mang đồ bảo hộ hô hấp

**【Phản ứng】**

- P301+P310 ·Nếu **NUỐT PHẢI**: Ngay lập tức gọi trung tâm chống độc hoặc bác sĩ / nhân viên y tế.
- P302+P352 ·Nếu **BỊ DÍNH VÀO DA**: Rửa bằng nhiều xà phòng và nước.
- P303+P361+P353 ·Nếu **TIẾP XÚC VỚI DA (hoặc tóc)**: Ngay lập tức cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn. Rửa sạch da bằng nước / vòi sen.
- P304+P312 ·Nếu **HÍT PHẢI**: Gọi trung tâm chống độc hoặc bác sĩ / nhân viên y tế nếu cảm thấy không khỏe
- P304+P340 ·Nếu **HÍT PHẢI**: Chuyển nạn nhân đến khu vực không khí trong lành và giữ nạn nhân ở tư thế dễ hô hấp.
- P305+P351+P338 ·Nếu **VÀO MẮT**: Rửa sạch một cách thận trọng bằng nước trong vài phút. Loại bỏ kính áp tròng, nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa.
- P308+P313 ·Nếu tiếp xúc hoặc quan ngại: Hỏi ý kiến tư vấn y tế.
- P314 ·Hỏi ý kiến tư vấn y tế nếu bạn cảm thấy không khỏe.
- P321 ·Áp dụng điều trị (xem nhãn này).
- P331 ·**KHÔNG** gây nôn.
- P333+P313 ·Nếu bị kích ứng da hoặc dị ứng: Hỏi ý kiến tư vấn y tế.
- P337+P313 ·Nếu vẫn còn kích ứng mắt: Hỏi ý kiến tư vấn y tế.
- P342+P311 ·Nếu gặp các triệu chứng hô hấp: Gọi trung tâm chống độc hoặc bác sĩ/ nhân viên y tế.
- P362+P364 ·Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn và giặt sạch trước khi tái sử dụng và rửa sạch trước khi tái sử dụng.
- P370+P378 ·Trong trường hợp cháy: sử dụng chất chữa cháy thích hợp để dập tắt.
- P391 ·Thu dọn chất thải tràn đổ.

**【Lưu trữ】**

- P403+P233 ·Lưu trữ trong môi trường thoáng khí. Giữ bao bì kín.
- P403+P235 ·Lưu trữ trong môi trường thoáng khí. Giữ mát.
- P405 ·Lưu trữ có khóa chặt.

**【YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ】**

- P501 ·Xả bỏ chất thải/bao bì tại nơi quy định theo pháp luật hiện hành.

**3. Thông tin về thành phần các chất**

: Hỗn hợp

Thành phần	% (cân nặng)	Số CAS
Alkyd resins	0~5%	63148-69-6
n-Butyl acetate	0~5%	123-86-4
Butan-2-one	0~5%	78-93-3
Xylene, or mixed isomers	0~5%	1330-20-7
Titanium dioxide	0~5%	13463-67-7
White spirit, max 20% aromates	0~5%	8052-41-3
Lead chromate (as Cr)	5~10%	7758-97-6
Toluene	5~10%	108-88-3
Formaldehyde	0~5%	50-00-0
lead sulphate	0~5%	7446-14-2
Isomelamine	15~20%	108-78-1
Ethylbenzene	0~5%	100-41-4
n-Propyl acetate	0~5%	109-60-4
n-Amyl acetate	0~5%	628-63-7
Ethyl acetate	0~5%	141-78-6
Propan-2-ol	45~50%	67-63-0
2-Methylpropan-1-ol	0~5%	78-83-1

**4. Biện pháp sơ cứu về y tế**

**Mô tả các biện pháp sơ cứu**

**Thông tin chung :**

Trong trường hợp có triệu chứng bị dị ứng, nhất là ở đường hô hấp, tìm y tế chăm sóc ngay. Theo dõi nguy cơ bị sặc trong khi nôn. Di chuyển người bị ảnh hưởng ra khỏi khu vực nguy hiểm và đặt nằm xuống. Cởi bỏ ngay quần áo đã bị nhiễm, thấm dẫm. Tắm người thật kỹ (tắm bằng vòi sen hoặc tắm bồn). Sau khi tiếp xúc nhiều giờ các triệu chứng có thể mới xuất hiện; vì vậy cần theo dõi y tế trong ít nhất 48 giờ. Khi nghỉ ngơi hoặc thấy có triệu chứng, tìm y tế hướng dẫn. Không bao giờ cho vào miệng người bất tỉnh hoặc bị co cứng cơ bất cứ thứ gì.

**Sau khi sự hít vào :**

Không làm hô hấp nhân tạo miệng-qua-miệng hoặc miệng-qua-mũi. Sử dụng bóng bóp hoặc máy thở. Nếu thở không đều hoặc ngưng thở, tiến hành hô hấp nhân tạo. Sau khi hít phải hơi, có thể nhiều giờ sau mới xuất hiện những triệu chứng nhiễm độc đầu tiên, nên luôn phải hỏi ý kiến bác sĩ. Trong trường hợp bị kích ứng đường hô hấp, hỏi ý kiến bác sĩ. Cung cấp không khí trong lành. Trong trường hợp bị hít phải sương xịt, hỏi ý kiến bác sĩ.

**Sau khi tiếp xúc với da**

Rửa ngay lập tức bằng : nước và xà phòng

Trong trường hợp tiếp xúc với vật liệu nóng chảy, điều trị da bằng :

nước và xà phòng

Không rửa bằng : Không có dữ liệu

**Sau khi tiếp xúc với mắt :**

Rửa sạch ngay lập tức và thận trọng bằng nước. Tháo kính áp tròng nếu thấy dễ. Rửa sạch bằng nước trong 10 đến 15 phút. Sau đó, nhận được sự chăm sóc y tế của bác sĩ nhãn khoa.

**Sau khi ăn phải :**

Cho uống natri sunfat để nhuận tràng (1 muỗng canh trong một ly nước) cùng với nhiều than hoạt. Nếu vô ý nuốt phải, súc miệng bằng nhiều nước (chỉ khi người đó còn tỉnh táo) và xin chăm sóc y tế ngay lập tức. Gây nôn nếu nạn nhân còn tỉnh.

Nếu nuốt phải, ngay lập tức uống :

Nước, có thể thêm than hoạt vào

**Phương tiện tự bảo vệ của nhân viên sơ cứu :**

Không làm hô hấp nhân tạo miệng-qua-miệng hoặc miệng-qua-mũi. Sử dụng bóng bóp hoặc máy thở. Người sơ cứu: Chú ý tự bảo vệ!

**Các triệu chứng và tác dụng quan trọng nhất, cả cấp tính và chậm xuất hiện****Các triệu chứng**

Các triệu chứng sau đây có thể sẽ xuất hiện :

ho dị ứng bệnh hen suyễn khó thở nôn ói sốt phù phổi kích ứng phổi viêm phổi Buồn nôn Da khô, mẩn đỏ, đau Bỏng da, phỏng rộp Đỏ, đau và bóng ở mắt Nhìn mờ Viêm dị ứng (phát ban)

**Các tác dụng :**

sốc phản vệ do dị ứng bệnh hen suyễn bệnh về hô hấp thờ thẫn phù phổi Buồn nôn kích ứng phổi viêm phổi Da khô, mẩn đỏ, đau Bỏng da, phỏng rộp Đỏ, đau và bóng ở mắt Nhìn mờ Viêm dị ứng (phát ban)

**Dấu hiệu cần phải được y tế chăm sóc ngay và cần phải điều trị đặc biệt****Lưu ý bác sĩ :**

Sơ Cứu, khử nhiễm, điều trị các triệu chứng. Nếu thích hợp thực hiện biện pháp thông khí nhân tạo. Sau khi khử trùng da, điều trị đau và phỏng sốc. Điều trị triệu chứng.

**Biện pháp điều trị đặc biệt :**

Trong trường hợp bị tím tái (ở môi, móng tay), cho thở oxy càng sớm càng tốt. Trong trường hợp bị kích ứng phổi: Chủ yếu điều trị bằng corticoid xịt, như thuốc xịt auxilison, thuốc pulmicort xịt theo liều. (Auxilison và Pulmicort là các nhãn hiệu đã đăng ký). Điều trị da và niêm mạc bằng các loại chế phẩm kháng histamin và corticosteroid.

**5. Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn****Chất chữa cháy**

Chất chữa cháy thích hợp :

nitơ bột chịu alcol BC-bột ABC-bột Cacbon dioxyt (CO2) cát khô sương nước

Chất chữa cháy không thích hợp :

xịt nước mạnh tối đa cát (ướt)

**Các hiểm họa đặc biệt phát sinh từ chất hoặc hỗn hợp**

Các sản phẩm cháy nguy hiểm :

Cacbon dioxyt (CO2) Các nitơ oxyt (NOx) Cacbon monoxyt Các sản phẩm nhiệt phân, độc

**Hướng dẫn cho nhân viên chữa cháy**

Trang bị bảo hộ đặc biệt cho nhân viên chữa cháy:

Sử dụng thiết bị thở phù hợp. trang phục bảo hộ. Ủng cao su găng tay cao su. Trong trường hợp cháy: Sử dụng thiết bị thở độc lập.

**Thông tin thêm:**

Không hít các khí nổ và khí cháy. Cháy sinh ra nhiều khói. Sử dụng nước xịt mạnh để bảo vệ cho người và làm nguội các thùng đựng đang trong tình trạng nguy hiểm. Không để nước chữa cháy chảy xuống cống rãnh hoặc kê nh rạch. Thu gom riêng nước chữa cháy đã bị nhiễm. Không cho chảy vào cống rãnh hay nước bề mặt. Di chuyển sản phẩm ra khỏi khu vực cháy. Loại bỏ nhiệt để tránh tăng áp suất. Chặn và bao ngăn lượng tràn đổ/phóng thích nếu có thể thực hiện một cách an toàn. Nếu không thể thực hiện được việc này, để cho lửa đốt cháy có kiểm soát. Di chuyển dụng cụ đựng chưa bị hư hỏng ra khỏi khu vực có hiểm họa ngay lập tức nếu có thể thực hiện được an toàn. Thận trọng khi sử dụng cacbon dioxyt trong khu vực kín. Cacbon dioxyt có thể chiếm chỗ của oxy.

**6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố**

**Các biện pháp để phòng cho người, trang bị bảo hộ và quy trình xử lý khẩn cấp**

**Các biện pháp để phòng cá nhân :**

Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân. Coi chừng khí có thể lan ra trên mặt đất (nặng hơn không khí) và lưu tâm đến hướng gió. Coi chừng cháy lại.

**Trang bị bảo hộ :**

Sử dụng phương tiện bảo vệ hô hấp thích hợp. Sử dụng găng tay bảo hộ/trang phục bảo hộ. Đeo kính bảo vệ mắt thích hợp. Mặc đồ bảo vệ cơ thể thích hợp.

**Các thủ tục khẩn cấp :**

Loại bỏ tất cả các nguồn lửa. Cung cấp phương tiện thông khí đầy đủ. Đưa mọi người đến nơi an toàn.

**Các biện pháp để phòng cho môi trường :**

đậy nắp cho cống rãnh. Dập khí/hoi/sương bằng nước xịt mạnh. Không cho xâm nhập vào đất/tầng đất cái. Không cho xâm nhập vào nước bề mặt hoặc cống rãnh. Ngăn không cho phát tán trên diện rộng (ví dụ bao ngăn hoặc sử dụng phao chắn dầu). Giữ lại nước rửa đã bị nhiễm để thải bỏ. Bảo đảm chất thải được thu gom và bao ngăn. Bảo đảm có thể bao ngăn lượng tràn đổ, ví dụ như để vào các palet lôm hoặc các khu vực có gờ chắn. Bảo đảm tất cả mọi nước thải đều được thu gom và xử lý qua nhà máy xử lý nước thải.

**Các phương pháp và vật liệu dùng để bao ngăn và làm sạch**

**Để bao ngăn**

Vật liệu thấm hút thích hợp:

cát vật liệu thấm hút, hữu cơ diatomit đất mặt cưa Nước (có chất làm sạch)

**Để làm sạch**

Vật liệu pha loãng hoặc trung hòa thích hợp :

Không có dữ liệu

**Tham khảo các mục khác :**

thao tác an toàn: xem mục 7 thải bỏ: xem mục 13 trang bị bảo hộ cá nhân: xem mục 8

**7. Yêu cầu về sử dụng, bảo quản**

**Các biện pháp để phòng cho thao tác an toàn**

**Các biện pháp bảo vệ**

**Hướng dẫn về thao tác an toàn**

Tránh :

- Thao tác trong (khí) : nitơ Cacbon dioxyt (CO2)
- Thao tác trong (Lông): Không áp dụng

Nếu không thể hút thoát khí tại chỗ hoặc giải pháp này không đủ hiệu quả, phải thông khí toàn bộ cho khu vực làm việc bằng phương tiện kỹ thuật. Thao tác và mở dụng cụ đựng cẩn thận. Nơi làm việc phải được thiết kế sao cho có thể làm sạch vào bất kỳ lúc nào. Không hít khí/khói/hoi/bụi xịt. Chỉ sử dụng ở nơi thông khí tốt. Không xịt lên ngọn lửa trần hoặc bất kỳ vật liệu nóng sáng nào.

**Nhận xét:** Chỉ sử dụng vật liệu ở những nơi có thể tránh xa ngọn đèn trần, lửa và các nguồn dễ cháy khác. Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân (xem mục 8). Luôn đậy kín nắp thùng sau khi lấy sản phẩm. Không bao giờ dùng áp lực để xả cặn dụng cụ đựng. Hạn chế đi vào trong khi đang xả cặn hoặc bảo trì bộ phận. Đậy nắp thùng đựng ngay sau khi sử dụng.

**Các biện pháp phòng ngừa cháy**

- Giữ ướt bằng : Không áp dụng
- Không trộn lẫn với : Chất oxy hóa
- Tránh xa : Chất oxy hóa

Tránh xa các nguồn nhiệt (ví dụ như các bề mặt nóng), tia lửa và ngọn lửa trần. Tiếp đất cho các dụng cụ dụng, thiết bị, bơm và phương tiện thông khí. Sử dụng máy móc, thiết bị, phương tiện thông khí, dụng cụ, v.v. chống nổ. Chỉ dùng những dụng cụ chống tĩnh điện (không tạo ra tia lửa).  
**Nhận xét:** dụng cụ giày dép và quần áo chống tĩnh điện Phải làm nguội khăn cấp trong trường hợp có cháy ở khu vực lân cận. Hơi có thể tạo thành hỗn hợp nổ với không khí. Khi nóng, sản phẩm phát ra hơi dễ cháy. Khi sử dụng không hút thuốc.

**Các biện pháp phòng ngừa phát sinh khí dung và bụi**

Trong khí nạp, đo và lấy mẫu nếu được nên sử dụng:

Thiết bị có phương tiện hút thoát khí tại chỗ

Sử dụng các loại phương tiện hút thoát khí tại chỗ sau đây :

vòm của máy hút khói/hơi dụng cụ cầm tay có bộ hút thoát khí

**Các biện pháp để phòng cho môi trường :**

xem mục 8. Phải ngăn không cho sản phẩm xâm nhập vào các đường thông và cống rãnh.

**Các yêu cầu hoặc quy định về thao tác cụ thể :**

Sàn nhà, tường và các bề mặt khác trong khu vực hiểm họa phải được làm sạch thường xuyên. Chỉ thực hiện công việc nạp tại các trạm có phương tiện hút thoát khí. Tuân thủ và quan tâm thực hiện đúng những yêu cầu về bịt kín và ren của đầu nối. Không nên cho tuần hoàn lại khí hút thoát. Không cho bất kỳ gì giẻ lau nào thấm sản phẩm vào trong túi quần của bạn.

**Hướng dẫn về vệ sinh lao động tổng quát :**

Tránh tiếp xúc với da, mắt và quần áo. Khi sử dụng, không ăn, uống, hút thuốc, hít. Làm việc trong khu vực thông khí tốt hoặc sử dụng phương tiện bảo vệ hô hấp phù hợp. Giặt sạch quần áo bị nhiễm trước khi sử dụng lại. Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và sau khi làm việc. Không được mặc trang phục bảo hộ đã sử dụng ở ngoài nơi làm việc. Lập tức cởi bỏ mọi quần áo, giày dép hoặc vớ đã bị nhiễm. Quần áo mặc ra đường phải được cất giữ riêng với quần áo làm việc.

**Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi tính chất tương kỵ**

**Vật liệu bao bì**

kim loại Vật liệu, chịu dung môi polyolefin polytetrafluoroetylen (PTFE) polyetylen

**Vật liệu dụng cụ dụng/thiết bị phù hợp:**

**Vật liệu dụng cụ dụng/thiết bị không phù hợp:** Không có dữ liệu

**Gợi ý về bảo quản chung**

**Loại bảo quản :** các chất lỏng dễ cháy

**Các vật liệu cần tránh :** Chất oxy hóa

**Thông tin thêm về điều kiện bảo quản :** Chỉ bảo quản trong dụng cụ dụng ban đầu ở nơi mát, thông khí tốt. Cất giữ khóa chặt. Bảo vệ dụng cụ dụng chống hư hỏng. Giữ dụng cụ dụng thật kín ở nơi mát, thông khí tốt. Bảo quản riêng.

**8. Kiểm soát phơi nhiễm/yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân**

**Các thông số kiểm soát**

ngưỡng giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp

Thành phần	Số CAS	Số EC	Quốc gia	PEL-TWA		PEL-Ceiling	
				ppm	mg/m3	ppm	mg/m3
Lead chromate (as Cr)		7758-97-6	VN		0.01		
Toluene		108-88-3	VN		100	300	
Xylene, or mixed isomers		1330-20-7	VN		100	300	
White spirit, max 20% aromates		8052-41-3	VN		525		
Ethylbenzene		100-41-4	VN	50	217		
Propan-2-ol		67-63-0	VN				
Ethyl acetate		141-78-6	VN	200	720		
n-Propyl acetate		109-60-4	VN		200	600	
n-Butyl acetate		123-86-4	VN	100	475		
n-Amyl acetate		628-63-7	VN		200	500	
Butan-2-one		78-93-3	VN		150	300	
Formaldehyde		50-00-0	VN	0.1	0.12		
2-Methylpropan-1-ol		78-83-1	VN	50	150		
lead sulphate		7446-14-2	VN		0.05	0.1	
Titanium dioxide		13463-67-7	VN		5		

ngưỡng giới hạn các chỉ số sinh học

Thành phần	Số CAS	Số EC	Quốc gia	Đơn vị	Giá trị giới hạn	Tham số
Toluene		108-88-3	JP	mg/L	0.06	toluene
Xylene, or mixed isomers		1330-20-7	JP	mg/L	800	total (o-,m-,p-) methylhippuric acid
Ethylbenzene		100-41-4	JP	µg/L creatinine	15	Ethylbenzene
Ethylbenzene		100-41-4	JP	mg/g creatinine	150	Mandelic acid
Butan-2-one		78-93-3	JP	mg/L	5	Methylethylketone
lead sulphate		7446-14-2	JP	µg/100 mL	15	Lead

**Các biện pháp kiểm soát tiếp xúc**

**Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp**

Ban đầu Các chú thích : xem mục 7. Thông tin thêm về thiết kế nhà xưởng: Phương tiện bảo vệ cá nhân (kính bảo hộ, găng tay bảo hộ, khẩu trang, v.v.) cần được kiểm tra thường xuyên và ghi vào sổ ghi chép. Thường xuyên kiểm tra các bình rửa mắt, thiết bị thoát khí, v.v ... được sử dụng trong trường hợp khẩn cấp và ghi vào sổ ghi chép. Để giữ cho nồng độ không khí thấp hơn nồng độ kiểm soát khuyến nghị / nồng độ cho phép, hãy thực hiện các biện pháp như niêm phong quy trình, thông gió cục bộ và các thiết bị khác.

Các biện pháp liên quan đến chất/hỗn hợp để phòng ngừa tiếp xúc trong những trường hợp sử dụng đã xác định :

Cần không khí trong lành (mở các cửa sổ và cửa ra vào).

Các biện pháp kỹ thuật để phòng ngừa tiếp xúc :

Giảm tiếp xúc với khói bằng cách giữ cho nhiệt độ làm việc càng thấp càng tốt có tính đến các giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp và nhiệt độ thao tác an toàn. Nếu điều kiện cho phép, hãy thao tác theo một quy trình được bao kín. Hoặc cách khác là nên xem xét sử dụng phương tiện hút thoát khí tại chỗ. Lắp đặt hệ thống xả cục bộ chống cháy nổ. Sử dụng thiết bị điện/thông khí/chiếu sáng/chống nổ. Lắp đặt bồn rửa mắt và vòi hoa sen an toàn ở nơi làm việc nơi cất giữ hoặc xử lý chất này.

**Trang bị bảo hộ cá nhân**

**Phương tiện bảo vệ mắt/mặt**

Phương tiện bảo vệ mắt thích hợp : kính mắt kính có gờ chắn bên

Nhận xét: Không có dữ liệu

**Bảo vệ da**

Bảo vệ tay

Loại găng tay thích hợp : Găng tay bảo hộ găng tay có ống dài

Vật liệu thích hợp : PVC ( ) PE (polyetylen) NR (cao su tự nhiên, latex tự nhiên) CR (polyclopropren, cao su cloropren) NBR (Cao su nitril) Butyl caoutchouc (cao su butyl) FKM (cao su flo) PVA (Polyvinyl alcol)

Các tính chất cần thiết : chống tĩnh điện kín nước kín khí kín bụi chịu cắt

Nhận xét: Chất lượng của găng tay bảo hộ chống hóa chất phải được chọn như một hàm số của nồng độ cụ thể tại nơi làm việc và khối lượng chất nguy hiểm. Với những mục đích đặc biệt, nên hỏi nhà cung cấp găng tay về khả năng bảo vệ chống hóa chất của găng tay bảo hộ nêu trên.

Bảo vệ cơ thể

Trang phục bảo hộ phù hợp : Găng tay bảo hộ/trang phục bảo hộ/phương tiện bảo vệ mắt/phương tiện bảo vệ mặt.

Các tính chất cần thiết : chống tĩnh điện chống cháy có đế dẫn điện loại 3 kín nước

Vật liệu nên dùng : Không có dữ liệu

**Bảo vệ hô hấp**

Cần phương tiện bảo vệ hô hấp tại :

vượt giá trị giới hạn tiếp xúc thông khí không đủ hút thoát khí không đủ tiếp xúc lâu thao tác với các khối lượng lớn hơn tạo thành khí dung hoặc sương các nồng độ cao

Theo kinh nghiệm thì trường hợp này thường gặp trong những công việc sau đây :

nap và chuyển nap vào máy trộn

Thiết bị bảo vệ hô hấp thích hợp :

ABEK-P1

**Nhận xét :**

Tuân thủ giới hạn về thời gian hao mòn của nhà sản xuất. Nếu biện pháp hút thoát khí hoặc thông khí bằng kỹ thuật không thể thực hiện được hoặc không đầy đủ, phải mang thiết bị bảo vệ hô hấp. Kiểm tra độ kín rò/độ không thấm trước khi sử dụng. Để bảo vệ chống tiếp xúc trực tiếp với da, cơ bản là phải mặc quần áo bảo hộ (ngoài quần áo lao động bình thường). Chỉ mặc trang phục bảo hộ vừa vặn, thoải mái và sạch sẽ.

**Các biện pháp kiểm soát tiếp xúc với môi trường**

**Các biện pháp kỹ thuật để phòng ngừa tiếp xúc**

Sử dụng các loại bộ lọc sau đây để làm sạch khí thải :

Không có dữ liệu

Sử dụng phục hồi sau và / hoặc kỹ thuật xử lý chất thải để làm sạch khí thải :

hấp phụ ngưng tụ

Sử dụng các phương pháp xử lý hóa học sau đây cho nước thải :

xử lý nhiệt-chưng cất/tinh cất kết tủa phân tách dầu - nước hấp phụ

## 9. Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Trạng thái vật lý	Lỏng
Màu sắc	Kem
Mùi đặc trưng	Không mùi
Độ pH	Không có dữ liệu
Điểm nóng chảy /điểm đóng băng	Không có dữ liệu
Điểm sôi ban đầu và dải sôi	82.00°C~110.60°C
Điểm cháy	19.5°C
Tỷ lệ hóa hơi	Không có dữ liệu
Tính dễ cháy	Không có dữ liệu
Các giới hạn cháy hoặc nổ trên/dưới	Không có dữ liệu
Áp suất hóa hơi	Không có dữ liệu
Tỷ trọng hơi	Không có dữ liệu
Khối lượng riêng	Không có dữ liệu
Độ hòa tan trong nước	Insoluble
Hệ số phân tách: n-octanol/nước	Không có dữ liệu
Nhiệt độ tự cháy	Không có dữ liệu
Nhiệt độ phân hủy	Không có dữ liệu
Độ nhớt	20.5000mPa.s

## 10. Mức ổn định và phản ứng của hóa chất

### Khả năng phản ứng :

Không có dữ liệu Phản ứng nguy hiểm không xảy ra trong điều kiện bình thường.

### Tính ổn định :

Sản phẩm bền hóa học trong điều kiện bảo quản, sử dụng và nhiệt độ đề nghị.

### Khả năng gây phản ứng nguy hiểm

#### Trong trường hợp nấu chảy :

Không áp dụng

#### Trong trường hợp bốc hơi :

Nguy cơ bắt lửa Nguy cơ nổ

#### Trong trường hợp đông lạnh :

Biến dạng của thùng chứa do thay đổi thể tích

### Các điều kiện cần tránh

#### Ở trạng thái khô :

Không có dữ liệu

#### Ở trạng thái cô lập :

Không có dữ liệu

#### Khi gặp thể phân tán mịn/bụi xịt/sương :

Nguy cơ nổ

#### Trong trường hợp làm ẩm :

Nguy cơ nổ dụng cụ đựng.

#### Trong trường hợp gặp tác dụng của ánh sáng :

Không có dữ liệu

#### Trong trường hợp bị va chạm hoặc ảnh hưởng của áp suất :

Không có dữ liệu

#### Trong trường hợp có không khí vào :

Không có dữ liệu

**Trong trường hợp vượt quá thời gian bảo quản :**

Không có dữ liệu

**Trong trường hợp vượt quá nhiệt độ bảo quản :**

Nguy cơ nổ dụng cụ đựng.

**Vật liệu không tương thích**

**Các vật liệu cần tránh :**

Chất oxy hóa

**Sản phẩm phân hủy nguy hiểm :**

Không phân hủy khi được dùng theo cách sử dụng dự định.

**Thông tin thêm :**

Không có dữ liệu

## 11. Thông tin về độc tính

**Thông tin về các tác dụng độc :**

Độc tính cấp tính, miệng

Ethylbenzene(Cấp 5)LD50 4100mg/kg/Isomelamine(Cấp 5)LD50 3160mg/kg/Formaldehyde(Cấp 4)LD50 600mg/kg/2-Methylpropan-1-ol(Cấp 5)LD50 2460mg/kg

Độc tính cấp tính, da

Formaldehyde(Cấp 3)LD50 270mg/kg/2-Methylpropan-1-ol(Cấp 5)/Xylene, or mixed isomers(Cấp 4)LD50 1700mg/kg

Độc tính cấp tính, hít (khí)

Formaldehyde(Cấp 2)LC50 480ppm

Độc tính cấp tính, hít (bụi và sương mù)

Ethylbenzene(Cấp 5)LC50 27.5mg/L

Độc tính cấp tính, hít (hơi)

Ethylbenzene(Cấp 4)LC50 4000ppm/Toluene(Cấp 4)LC50 4800ppm/Ethyl acetate(Cấp 4)LC50 14640ppm/n-Propyl acetate(Cấp 4)LC50 8000ppm/Butan-2-one(Cấp 4)LC50 11700ppm/2-Methylpropan-1-ol(Cấp 4)LC50 6336ppm/Xylene, or mixed isomers(Cấp 4)LC50 6350ppm

Ăn mòn/kích ứng da

Toluene(Cấp 2) /n-Butyl acetate(Cấp 3) /n-Amyl acetate(Cấp 2) /Formaldehyde(Cấp 1) /Titanium dioxide(Cấp 3) /Butan-2-one(Cấp 2) /2-Methylpropan-1-ol(Cấp 2) /White spirit, max 20% aromates(Cấp 2) /Xylene, or mixed isomers(Cấp 2)

Tồn thương nghiêm trọng mắt/ kích ứng mắt

Ethylbenzene(Cấp 2B) /Toluene(Cấp 2B) /Propan-2-ol(Cấp 2A) /Ethyl acetate(Cấp 2B) /n-Propyl acetate(Cấp 2B) /n-Butyl acetate(Cấp 2B) /n-Amyl acetate(Cấp 2B) /Formaldehyde(Cấp 2A) /Butan-2-one(Cấp 2A) /2-Methylpropan-1-ol(Cấp 1) /Xylene, or mixed isomers(Cấp 2A)

Tác nhân nhạy hô hấp

Formaldehyde(Cấp 1) /Lead chromate (as Cr)(Cấp 1)

Tác nhân nhạy da

Formaldehyde(Cấp 1) /Lead chromate (as Cr)(Cấp 1)

Đột biến tế bào mầm

Formaldehyde(Cấp 2) /Lead chromate (as Cr)(Cấp 2)

Tác nhân gây ung thư

Ethylbenzene(Cấp 2) /Isomelamine(Cấp 1) /Formaldehyde(Cấp 1) /Lead chromate (as Cr)(Cấp 1) /lead sulphate(Cấp 1) /Titanium dioxide(Cấp 2)

Độc tính sinh sản

Ethylbenzene(Cấp 1) /Toluene(Cấp 1) /Propan-2-ol(Cấp 2) /Lead chromate (as Cr)(Cấp 1) /lead sulphate(Cấp 1) /Xylene, or mixed isomers(Cấp 1)

Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm đơn

Xylene, or mixed isomers(Cấp 3 (tác dụng mê hoặc) )/Ethylbenzene(Cấp 3 (kích ứng đường hô hấp) )/Ethylbenzene(Cấp 3 (tác dụng mê hoặc) )/Toluene(Cấp 1)/Toluene(Cấp 3 (kích ứng đường hô hấp) )/Toluene(Cấp 3 (tác dụng mê hoặc) )/Propan-2-ol(Cấp 1)/Propan-2-ol(Cấp 3 (kích ứng đường hô hấp) )/Ethyl acetate(Cấp 3 (kích ứng đường hô hấp) )/Ethyl acetate(Cấp 3 (tác dụng mê hoặc) )/n-Propyl acetate(Cấp 3 (kích ứng đường hô hấp) )/n-Propyl acetate(Cấp 3 (tác dụng mê hoặc) )/n-Butyl acetate(Cấp 3 (kích ứng đường hô hấp) )/n-Butyl acetate(Cấp 3 (tác dụng mê hoặc) )/n-Amyl acetate(Cấp 3 (kích ứng đường hô hấp) )/n-Amyl acetate(Cấp 3 (tác dụng mê hoặc) )/Formaldehyde(Cấp 1)/Lead chromate (as Cr)(Cấp 1)/lead sulphate(Cấp 1)/Butan-2-one(Cấp 2)/Butan-2-one(Cấp 3 (kích ứng đường hô hấp) )/Butan-2-one(Cấp 3 (tác dụng mê hoặc) )/2-Methylpropan-1-ol(Cấp 3 (kích ứng đường hô hấp) )/White spirit, max 20% aromates(Cấp 3 (kích ứng đường hô hấp) )/White spirit, max 20% aromates(Cấp 3 (tác dụng mê hoặc) )/Xylene, or mixed isomers(Cấp 1)

Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm lặp lại

Ethylbenzene(Cấp 1)/Toluene(Cấp 1)/Propan-2-ol(Cấp 1)/Propan-2-ol(Cấp 2)/n-Amyl acetate(Cấp 1)/Isomelamine(Cấp 1)/Formaldehyde(Cấp 1)/Lead chromate (as Cr)(Cấp 1)/lead sulphate(Cấp 1)/Titanium dioxide(Cấp 1)/Butan-2-one(Cấp 1)/White spirit, max 20% aromates(Cấp 2)/Xylene, or mixed isomers(Cấp 1)

Nguy hại hô hấp

Ethylbenzene(Cấp 1)/Toluene(Cấp 1)/White spirit, max 20% aromates(Cấp 1)/Xylene, or mixed isomers(Cấp 1)

**Các triệu chứng liên quan đến tính chất vật lý, hóa học, và độc tính**

**Trong trường hợp ăn phải :**

Không có dữ liệu

**Trong trường hợp bị tiếp xúc với da :**

Có tác dụng làm mất chất nhờn trên da.

**Trong trường hợp hít :**

Khi hít vào, phổi và khí quản bị ảnh hưởng.

**Thông tin thêm :**

Không có dữ liệu

**12. Thông tin về sinh thái**

**Độc môi trường (nước và trên cạn):**

108-88-3, Toluene:

Algae: Chlorella vulgaris EC50( mg/L ) 245(24-h) Scenedesmus subspicatus EC50( mg/L ) 160(48-h),

Selenastrum capricornutum EC50( mg/L ) > 433(96-h):

Crustacean : Daphnia magna EC50( mg/L ) 19.6(48-h):Swimming inhibition

Fish : Brachydanio rerio LC50( mg/L ) 25(48-h)Cyprinodon

variegatus LC50( mg/L ) 13(96-h)Gambusia affinis LC50( mg/L ) 1,180(96-h),Lepomis macrochirus LC50( mg/L )

24(96-h)Poecilia reticulata LC50( mg/L ) 59.3(96-h)

Others:Photobacterium phosphoreum EC50( mg/L ) 19.7(30-min)

50-00-0, Formaldehyde:

Algae:Scenedesmus. sp. EC50( mg/L ) 0.3(—)

Crustacean : Cypridopsis sp. shrimp LC50( mg/L ) 1.05(96-h),Daphnia magna LC50( mg/L ) 2.0(48-h)

Fish : Oncorhynchus mykiss LC50( mg/L ) 73.5(96-h), Lepomis macrochirus LC50( mg/L ) 100(96-h), Morone

saxatilis (Striped bass) LC50( mg/L ) 6.7(96-h)

Others : Chilomonas paramecium LC50( mg/L ) 4.5(48-h) Corbicula sp LC50( mg/L ) 126(96-h),Notonecta sp.

LC50( mg/L ) 835(96-h), E.coli LC50( mg/L ) about 1(—)

100-41-4, Ethylbenzene:

Algae: Selenastrum capricornutum EC50(mg/L ) 4.6(72-h): Proliferation inhibition, Crustaceans : Daphnia

magna EC50(mg /L ) 2.1(48-h) Swimming inhibition, Artemia salina EC50(mg /L ) 9.2(48-h), Fish : Morone

saxatillised bass LC50(mg /L ) 4.0(96-h, ) Oncorhynchus Mykiss LC50(mg /L ) 4.2(96-h)

67-63-0, Isopropyl alcohol:

Algae:Scenedesmus Subspicatus EC50( mg/L ) >1,000(72-h) : Proliferation inhibition, Crustaceans : Daphnia

magna EC50( mg/L ) 9,714(24-h) : swimming inhibition, Crangon crangon LC50( mg/L ) 903(96-h), Fish :

Rasbora Heteomorpha LC50( mg/L ) 4,200(96-h), Pimephales promelas LC50( mg/L ) 6,120(96-h)

108-78-1, Melamine:

Algae: Scenedesmus pannonicus EC50(mg/L) 940(96-h) : Proliferation inhibition, Crustaceans: Daphnia magna

EC50(mg/L) >2,000(48-h) : swimming inhibition, Fish: Poecilia reticulata LC50(mg/L) >3,000(96-h)

**Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy :**

108-88-3, Toluene :

Aerobic: good. test period 2 weeks, 100mg/L, decomposition rate by BOD 112~129 %, Anaerobic:no report

Abiotic: Reactivity with OH radical:

in troposphere air reaction rate constant  $6.1 \times 10^{-12}$  cm<sup>3</sup>/mol.sec half time under OH radical concentration

$5.0 \times 10^5 \sim 1 \times 10^6$  mol./cm<sup>3</sup> is calculated 1~3 days

50-00-0, Formaldehyde :

Aerobic: good. decomposition rate by BOD 91 %.,

Anaerobic: no report

Abiotic: Reactivity with OH radical: in clear air half time is reported 19 hours, in dirty air, half time is reported

19/2 hours. reactivity by direct photodecomposition: half time is reported 6.0 hours

100-41-4, Ethylbenzene :

Aerobic: good, decomposition rate by BOD 81~126 %,

Aerobic: by aerobic reactor, not decomposed after 110 days reported. under condition of aerobic aquifer

environment, survival rate after 120 weeks is less than 1 %, Ethylbenzene is supposed to be aerobic decomposed

completely.

Abiotic: reactivity with OH radical; in ratetroposphere air, half time is reported, 5.5 hours in summer time, 24

hours in winter time. as reaction products, Eethylphenol, Benzaldehyde, Acetophenone and m -,p-

Ethylnitrobenzene are reported. Photodecomposition in water; photodecomposed under Acetophenone by

sensitizer, 1-Phenylethanol, 1-Phenylethanone and Benzaldehyde are reported to be produced.

67-63-0, Isopropyl alcohol:

Aerobic: good, decomposition rate by BOD 86 %,

Anaerobic: no report.

Abiotic: Reactivity with OH radical; in ratetroposphere air, reaction rate,  $6.2 \times 10^{-12}$  cm<sup>3</sup>/mol.sec(room temp.),

OH radical conc.  $5.0 \times 10^5 \sim 1 \times 10^6$  mol/cm<sup>3</sup>, half time is calculated 1.1~2.3 days.

Reactivity with NO<sub>3</sub> radical; reaction rate  $2.3 \times 10^{-15}$  m<sup>3</sup>/mol.sec.(25 deg.C), in ratetroposphere air, NO<sub>3</sub> radical

conc.  $2.4 \times 10^8$  mol./cm<sup>3</sup> in night, half time is reported 145 days.

108-78-1, Melamine :

Aerobic: difficult, Decomposition rate by BOD 0 %.

Anaerobic: no report.

Abiotic: no report

**Khả năng tích lũy sinh học :**

108-88-3, Toluene: No report

50-00-0, Formaldehyde: No report

100-41-4, Ethylbenzene: Logistic number of concentration factor: 1.9(golden fish), 0.67(clam)

67-63-0, Isopropyl alcohol: No report

108-78-1, Melamine: Low concentration, test period 6 weeks,

No.1section:test conc 2 mg/L, concentration factor < 0.38

No.2 section: conc. 0.2 mg/L, concentration factor < 3.8

**Độ linh động trong đất :**

108-88-3, Toluene : None

50-00-0, Formaldehyde : None

100-41-4, Ethylbenzene : None

67-63-0, Isopropyl alcohol : None

108-78-1, Melamine : None

**Ảnh hưởng đến tầng Ozôn :**

108-88-3, Toluene : Not applicable

50-00-0, Formaldehyde : Not applicable

100-41-4, Ethylbenzene : Not applicable

67-63-0, Isopropyl alcohol : Not applicable

108-78-1, Melamine : Not applicable

**Các tác hại khác :**

Tuân thủ quy định địa phương về xử lý nước thải chảy ra. Nếu sản phẩm xâm nhập vào đất, nó sẽ phát tán và có thể nhiễm vào tầng nước ngầm. Phải tránh thải ra môi trường. Tính chất độc sinh thái của hỗn hợp này được quy ết định bởi tính chất độc sinh thái của các thành phần riêng lẻ (xem mục 3).

**13. Thông tin về thải bỏ**

**Các phương pháp xử lý chất thải**

**Thải bỏ Sản Phẩm/Bao Bì**

Các tính chất của chất thải làm cho nó nguy hiểm :  
 gây đột biến gen độc sinh sản gây ung thư độc có hại kích ứng. rất dễ cháy gây mất cảm

Các phương án xử lý chất thải

Thải bỏ phù hợp / Sản phẩm :  
 Thải bỏ chất thải theo pháp luật hiện hành.

Thải bỏ phù hợp / bao bì :  
 Có thể thu hồi tái chế các bao bì chưa bị nhiễm. Thao tác với bao bì bị nhiễm theo cách thức như đối với bản thân chất.

Nhận xét :  
 Không trộn lẫn với các chất thải khác. giao cho công ty thải bỏ chất thải đã được chấp thuận. Thải bỏ theo pháp luật.

**14. Thông tin khi vận chuyển**

**Số hiệu UN**

Vận chuyển đường bộ (ADR/RID)	1263
Tàu thủy nội địa (ADN)	1263
Vận chuyển đường biển (IMDG)	1263
Vận chuyển đường hàng không (ICAO-TI / IATA-DGR)	1263

**Tên riêng dùng trong vận chuyển của Liên Hợp Quốc (UN)**

Vận chuyển đường bộ (ADR/RID)	Paint or Paint related material
Tàu thủy nội địa (ADN)	Paint or Paint related material
Vận chuyển đường biển (IMDG)	Paint or Paint related material
Vận chuyển đường hàng không (ICAO-TI / IATA-DGR)	Paint or Paint related material

**Loại nhóm hàng nguy hiểm trong vận chuyển**

Vận chuyển đường bộ (ADR/RID)	3
Tàu thủy nội địa (ADN)	3
Vận chuyển đường biển (IMDG)	3
Vận chuyển đường hàng không (ICAO-TI / IATA-DGR)	3

**Nhóm đóng gói**

Vận chuyển đường bộ (ADR/RID)	II
Tàu thủy nội địa (ADN)	II
Vận chuyển đường biển (IMDG)	II
Vận chuyển đường hàng không (ICAO-TI / IATA-DGR)	II

**Các hiểm họa môi trường**

Vận chuyển đường bộ (ADR/RID)	NGUY HIỂM CHO MÔI TRƯỜNG
Tàu thủy nội địa (ADN)	NGUY HIỂM CHO MÔI TRƯỜNG
Vận chuyển đường biển (IMDG)	NGUY HIỂM CHO MÔI TRƯỜNG
Vận chuyển đường hàng không (ICAO-TI / IATA-DGR)	NGUY HIỂM CHO MÔI TRƯỜNG

**Vận chuyển hàng rời theo Phụ Lục II của Hiệp Định MARPOL**      Không áp dụng  
**73/78 và Quy Định IBC :**  
**Chất ô nhiễm đại dương :**      áp dụng

**15. Thông tin về pháp luật**

**Law on Chemicals**

**PHỤ LỤC I, HÓA CHẤT SẢN XUẤT, KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN TRONG LĨNH VỰC CÔNG :**

Sản phẩm này thuộc pháp luật này

**PHỤ LỤC II, HÓA CHẤT HẠN CHẾ SẢN XUẤT, KINH DOANH TRONG LĨNH VỰC CÔNG :**

Sản phẩm này thuộc pháp luật này

**PHỤ LỤC III, HÓA CHẤT CẤM :**

Không có thành phần nào tương ứng với luật này

**PHỤ LỤC IV, HÓA CHẤT NGUY HIỂM PHẢI XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CÓ HÓA CHẤT :**

CASNO : 50-00-0, Formaldehyde (Conc. > 90%) ;

**PHỤ LỤC V, HÓA CHẤT PHẢI KHAI BÁO :**

- CASNO : 628-63-7, Amyl acetate ;
- CASNO : 123-86-4, n-Butyl acetate ;
- CASNO : 7446-14-2, Sulfuric acid, lead(2+) salt (1:1) ;
- CASNO : 7758-97-6, Lead(II) tetraoxidochromate ;
- CASNO : 141-78-6, Ethyl acetate ;
- CASNO : 100-41-4, Ethyl benzene ;
- CASNO : 50-00-0, Formaldehyde ;
- CASNO : 78-83-1, Isobutanol ;
- CASNO : 67-63-0, Isopropyl alcohol ;
- CASNO : 109-60-4, Propyl acetate ;

**Đánh giá An Toàn Hóa Chất:**

Việc đánh giá an toàn hóa chất đã được thực hiện cho chất này.

**16. Các thông tin cần thiết khác**

**Con số phiên bản:**

P3000251116VN-8

**Ngày chuẩn bị:**

2025/11/20 14:37:42

**Nguồn dữ liệu :**

Các mô tả trong Bảng Dữ liệu An toàn này dựa trên các tài liệu, thông tin và dữ liệu có sẵn tại thời điểm này, nhưng có thể được sửa đổi do sửa đổi luật và quy định hoặc các phát hiện mới. Khi xử lý sản phẩm này, vui lòng tham khảo mô tả và thực hiện các biện pháp an toàn phù hợp với tình hình thực tế và tự chịu rủi ro. Bảng Dữ liệu An toàn này không phải là một đảm bảo về an toàn hoặc chất lượng.